TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày: 24-01-2025
"*V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Huận và ông Biền Ngân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Tạ Phong Linh - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2024/TLST-TCDS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-DS, ngày 19/12/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Số 89 - L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý.

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Ngọc T - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ V (văn bản ủy quyền số 108/2024/UQ-LCC-KHDN MB01 ngày 01/8/2024); địa chỉ: Số 108 - đường T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Tưởng Văn T; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn trình bày và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Anh Tưởng Văn T đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp số LN2103253527883 ngày 31/03/2021, số tiền vay: 820.000.000 đồng; thời hạn vay 96 tháng; mục đích vay vốn: mua ô tô TOYOTA CAMRY 2.0 G, sản xuất năm 2021 mới 100% để sử dụng; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày 01/04/2021. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kì 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/04/2022, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày 01/07/2022. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức: Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh biên độ 4.4%/năm. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 22/03/2021 với hạn mức đề nghị là 30.000.000 đồng; mục đích vay: Phục vụ tiêu dùng cá nhân; lãi suất: Áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do Ngân hàng quy định qua từng thời kỳ.

Để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ của khoản vay, anh Tưởng Văn T đã dùng tài sản là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA camry, số khung: MR2BN3HK104010295, số máy: 6ARP555888, biển kiểm soát: 73A-204.07 thuộc sở hữu của anh Tưởng Văn T để thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2103253527883 ngày 31/03/2021.

Sau khi ký kết và thực hiện Hợp đồng, anh Tưởng Văn T chỉ mới thanh toán được số tiền 601.344.442 đồng, trong đó: tiền gốc là 349.953.898 đồng, tiền lãi là 251.390.544 đồng, số tiền nợ còn lại vẫn chưa trả hết nên các khoản vay đã chuyển quá hạn. Ngân hàng đã thông báo, đôn đốc nhưng anh Tưởng Văn T vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án để thu hồi nợ.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (24/01/2025), anh T còn nợ Ngân hàng số tiền là 622.941.375 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 495.647.703 đồng, tiền nợ lãi là 127.293.672 đồng. Đại diện cho Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Tưởng Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên cho Ngân hàng và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử theo Hợp đồng tín dụng

cho đến khi thanh toán xong tiền nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải nhiều lần cho anh Tưởng Văn T nhưng anh T đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi cư trú của anh T, kết quả cho thấy: sau khi nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án thì chính quyền địa phương đã xử lý công văn đến, công văn đi theo quy định, cử cán bộ giao đầy đủ cho phía bị đơn anh Tưởng Văn T. Gia đình anh T cũng đã nhận được đầy đủ các giấy tờ, văn bản do Tòa án tống đạt và báo cho anh T biết việc Tòa án thông báo, triệu tập giải quyết việc Ngân hàng khởi kiện nhưng anh T đã cố tình không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Qua thông tin từ chính quyền địa phương thì anh T đã rời đi khỏi địa phương, không biết làm gì, ở đâu; anh T không thông báo cho người thân, người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới nên không cung cấp được địa chỉ mới của anh T cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng bảo đảm đúng quy định và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

** Đại diện VKSND huyện Quảng Trạch phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đại diện nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn anh Tưởng Văn T.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 299, 317, 318, 320, 323, 401, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn anh Tưởng Văn T. Buộc anh Tưởng Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ là 622.941.375 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 495.647.703 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/01/2025) là 127.293.672 đồng. Buộc anh Tưởng Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách nhà nước. Ngân hàng TMCP V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Giữa Ngân hàng TMCP V với anh Tưởng Văn T đã ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay với mục đích mua xe ô tô, sinh hoạt, tiêu dùng. Do anh Tưởng Văn T vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án đòi số

tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng ký kết. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt, triệu tập, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định, anh Tưởng Văn T vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh Tưởng Văn T.

[2] Về nội dung tranh chấp, yêu cầu của đương sự:

[2.1] Ngân hàng TMCP V với anh Tưởng Văn T đã ký kết Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2103253527883 ngày 31/03/2021, với các nội dung: số tiền vay 820.000.000 đồng; thời hạn vay 96 tháng; mục đích vay vốn: mua ô tô TOYOTA CAMRY 2.0 G; lãi suất trong hạn 9%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% nợ trong hạn. Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 22/03/2021 với hạn mức đề nghị là 30.000.000 đồng; mục đích vay: Phục vụ tiêu dùng cá nhân; lãi suất: Áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do Ngân hàng quy định qua từng thời kỳ. Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Xe ô tô hiệu TOYOTA CAM RY, số khung: MR2BN3HK104010295, số máy: 6ARP555888, biển kiểm soát: 73A-204.07, thuộc sở hữu của anh Tưởng Văn T theo Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2103253527883 ngày 31/03/2021. Tài sản được đăng ký giao dịch, Hợp đồng chứng thực hợp pháp.

[2.2] Trên cơ sở Hợp đồng ký kết, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho anh T vay như thỏa thuận. Như vậy, Hợp đồng ký kết giữa hai bên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên là hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực thi hành, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay anh Tưởng Văn T chỉ mới thanh toán được cho Ngân hàng một phần tiền nợ gốc và tiền lãi. Đã không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi theo khoản vay của Hợp đồng ký kết, đã vi phạm cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi hàng tháng, vi phạm thời hạn thanh toán, khoản nợ đã chuyển sang quá hạn. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bên vay phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã xác định tiền nợ, tính lãi với mức lãi suất, thời gian vi phạm theo đúng thoả thuận trong hợp đồng. Bảng tính tiền nợ gốc, lãi do Ngân hàng cung cấp cho Tòa án đã tính đúng số tiền nợ, số ngày, mức lãi suất áp dụng trong Hợp đồng tín dụng ký kết. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/01/2025), anh Tưởng Văn T còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 622.941.375 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 495.647.703 đồng, tiền nợ lãi là 127.293.672 đồng

[2.3] Đối với anh Tưởng Văn T, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng, thông báo, triệu tập nhiều lần để anh T có mặt nhằm tạo điều kiện để các bên

hòa giải, thống nhất, thỏa thuận phương án giải quyết vụ án, phương thức thanh toán khoản tiền nợ nhưng không có kết quả. Anh T đã bỏ đi khỏi địa phương, không thông báo cho Ngân hàng địa chỉ mới, cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án nhằm gây khó khăn, cản trở cho việc giải quyết vụ án. Điều này thể hiện việc anh T không thực hiện, không chấp hành mà từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình đối với khoản nợ vay và pháp luật.

[3] Xét quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V buộc bị đơn anh Tưởng Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nợ cho Ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ, được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn anh Tưởng Văn T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 299, 317, 318, 320, 323, 401, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn anh Tưởng Văn T.

Buộc anh Tưởng Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ là 622.941.375 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 495.647.703 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/01/2025) là 127.293.672 đồng.

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (24/01/2025), anh Tưởng Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

Trường hợp anh Tưởng Văn T không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu TOYOTA CAMRY, số khung:

MR2BN3HK104010295, số máy: 6ARP555888, biển kiểm soát: 73A-204.07, thuộc sở hữu của anh Tưởng Văn T theo Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2103253527883 ngày 31/03/2021 để bảo đảm thu hồi nợ. Trong trường hợp giá trị tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì anh Tưởng Văn T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí:

2.1. Buộc anh Tưởng Văn T phải chịu 28.917.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách nhà nước.

2.2. Ngân hàng TMCP V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.444.000 đồng theo biên lai thu số 0002148 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; báo cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS h. Quảng Trạch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực